

Bản án số: 214/2019/HS-ST

Ngày: 27-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TU, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Hiệp;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh;

2. Ông Đào Văn Nô.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 215/2019/TLST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2019 về tội “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1981 tại tỉnh Bình Dương; nơi thường trú: Khu phố D, phường T, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; Q tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 12/12; con ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1956; bị cáo có 03 chị em, lớn nhất sinh năm 1978, nhỏ nhất sinh năm 1987; bị cáo chưa có vợ; tiền sự, tiền án: Không.

Ngày 15-3-2019, có hành vi “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 10-10-2019 thì bị khởi tố bị can và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Trương Đức H, sinh năm 1968; địa chỉ: Khu phố D, phường T, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1956; địa chỉ: Khu phố D, phường T, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt;

Người làm chứng: Ông Trương Văn P và ông Huỳnh Ngọc Q; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Đức H (sinh năm 1968) và Trương Văn P (sinh năm 1993) cùng HKTT tại Khu phố D, phường T, thị xã TU, Bình Dương, có mối qua hệ là cha con. Nguyễn Văn T ở cùng khu phố D, phường T với ông H và P.

Khoảng 05 giờ ngày 15/3/2019, P điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại Super, màu nâu, biển số 61B1 – 620.18 đi giao thịt heo tại khu vực thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, P trở về nhà và để xe mô tô 61B1 – 620.18 ở phòng khách, chìa khóa xe vẫn còn cắm trong ổ khóa rồi đi vào trong phòng nằm ngủ. Cùng thời gian này, T điều khiển xe đạp, màu bạc đi đến nhà ông H chơi. Khi đến nơi, T thấy xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại Super, màu nâu (không nhớ rõ biển số) của ông H đang dựng ở phòng khách chìa khóa xe vẫn còn cắm trong ổ khóa, trong nhà không thấy ai nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô trên bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định, T quan sát trong nhà không thấy ai nên đã lén lút đi vào phòng khách đẩy xe mô tô 61B1-620.18 của ông H ra ngoài rồi khởi động máy xe và điều khiển đi về hướng phường thành phố Hồ Chí Minh, để tìm nơi tiêu thụ.

Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, ông Trương Đức H phát hiện xe mô tô 61B1 – 620.18 đã bị mất trộm nên đi xung quanh tìm kiếm. Khi ông H đi ra phía trước nhà thì phát hiện có một xe đạp, màu bạc dựng ở trước sân. Sau đó, ông H đi ra ngoài đường gặp ông Huỳnh Ngọc Q (sinh năm 1979. HKTT: Ấp H, xã Đ, thị xã TU, Bình Dương) là người bán bắp bên lề đường cách nhà ông H khoảng 50 mét để hỏi, thì được ông Q cho biết khi đang ngồi bán bắp có nhìn thấy Nguyễn Văn T điều khiển 01 chiếc xe đạp, màu bạc đi về hướng nhà của ông H, khoảng 02 đến 03 phút sau thì thấy T điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại Super, màu nâu của ông H (lý do anh Q biết xe mô tô mà T điều khiển là của ông H vì thường ngày anh Q thấy ông H thường xuyên sử dụng chiếc xe mô tô đó) đi ngang qua chỗ ông Q và đi về hướng phường Thái Hòa. Sau đó, ông H về nhà và nói lại việc ông Q đã nhìn thấy cho P nghe, khi nghe ông H nói xong P đã điều khiển xe đạp đi lại trước sân lên nhà của T tại khu phố D, phường T, thị xã TU, Bình Dương để tìm T nhưng không gặp. P điều khiển xe đạp quay về nói cho ông H biết chiếc xe đạp này là của T. Sau đó, ông H đến Công an phường T, thị xã TU, Bình Dương để trình báo vụ việc.

Công an phường T tiếp nhận tin báo, tiến hành lập hồ sơ ban đầu và tạm giữ vật chứng, đồ vật có liên quan gồm: 01 xe đạp, màu bạc và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61B1 - 620.18 (photo) (Do Trương Đức H giao nộp).

Sau khi hoàn tất hồ sơ ban đầu, Công an phường T chuyển toàn bộ hồ sơ đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã TU thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tổ tụng hình sự số 132/KLTS-TTHS ngày 15/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản thị xã TU, kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại Super, màu nâu, biển số 61B1 – 620.18 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 13.000.000 đồng.

Đối với xe đạp, màu bạc mà Nguyễn Văn T để lại hiện trường. Qua điều tra xác định đây là tài sản của bà Nguyễn Thị X nên ngày 29/10/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra đã ban hành Quyết định xử lý vật chứng số 03 ngày 29/10/2019 và trả lại các tài sản trên cho bà X.

Đối với mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại Super, màu nâu, biển số 61B1 – 620.18. Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T khai nhận sau khi trộm được xe T đã điều khiển về thành phố Hồ Chí Minh và bán lại cho 01 người đàn ông (không rõ nhân thân) với giá 4.000.000 đồng. Do T không nhớ được địa điểm bán xe thuộc Quận nào tại thành phố Hồ Chí Minh nên Cơ quan cảnh sát điều tra không thể tiến hành thu giữ vật chứng của vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi xảy ra vụ việc, bà Nguyễn Thị X là mẹ của Nguyễn Văn T đã bồi thường cho ông Trương Đức H số tiền 15.000.000 đồng. Ông H có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không có yêu cầu gì khác.

Cáo trạng số 213/CT-VKS-TU ngày 05-11-2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn T được hưởng tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có đơn xin bãi nại; bà Nguyễn Thị X là mẹ của bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 15.000.000 đồng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.
- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.
- Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.
- Về xử lý vật chứng: Không có.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại ông Trương Đức H trình bày: Ông H đã nhận số tiền 15.000.000 đồng nên không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo không trình bày lời bào chữa. Nói lời sau cùng, bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã TU, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã TU và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã TU, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã TU và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là đúng thẩm quyền và đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh và khung hình phạt: Lời khai của bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, thống nhất với nhau về quá trình thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận:

Ngày 15-3-2019, tại nhà của ông Trương Đức H thuộc khu phố D, phường T, thị xã TU, tỉnh Bình Dương, Nguyễn Văn T đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của ông Trương Đức H lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt 01 xe HONDA, loại Super, màu nâu, biển số 61B1 – 620.18. Tại thời điểm bị chiếm đoạt xe có giá trị là 13.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tư lợi và thái độ coi thường pháp luật nên cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bà Nguyễn Thị X là mẹ của bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 15.000.000 đồng; bị hại có đơn xin bãi nại; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phạm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét thấy mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý xong nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Xét, bị cáo có nơi cư trú ổn định, nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ; bản thân bị cáo có khả năng tự cải tạo và không gây ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Do đó, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà căn cứ Điều 65 Bộ

luật Hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cho bị cáo hưởng án treo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian nhất định cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt không gây ảnh hưởng xấu cho xã hội mà vẫn đảm bảo công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án (27-11-2019).

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân phường T, thị xã TU, tỉnh Bình Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra.

3. Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý xong nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- PV06, Công an tỉnh Bình Dương (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã TU (01);
- Công an thị xã TU (03);
- Chi cục THADS thị xã TU (01);
- Ủy ban nhân dân phường T;
- Người tham gia tố tụng (04);
- Lưu: VT, HS (02).

Võ Thành Hiệp